

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Chí Linh

Ông Lê Tất Kề

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 16/4/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Anh C

Cư trú tại: Số 241 V, A1, phường Đ, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị H

Cư trú tại: Số 241 V, A1, phường Đ, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Võ Anh C trình bày:

Về hôn nhân: Anh Võ Anh C và chị Trịnh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, Hải Phòng

vào ngày 25/02/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với gia đình anh C tại số 241 V, A1, phường Đ, quận H, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Từ cuối năm 2018 đến nay, anh C vào thành phố L làm ăn, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài nên anh C yêu cầu ly hôn với chị H.

Về nuôi con: Anh C và chị H có 01 con chung là Võ Trịnh Khánh V, sinh ngày 04/02/2011. Anh C đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con và có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H số tiền là 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng một tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai của đương sự ngày 12/02/2020, bị đơn là chị Trịnh Thị H trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng như lời trình bày của anh C. Về mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh do tính cách, lối sống của hai bên không hòa hợp. Từ cuối năm 2018 đến nay, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đồng ý ly hôn. Về nuôi con: Chị H đồng ý với yêu cầu, ý kiến của anh C. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa không lý do.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận định:

- Về tố tụng:

[2] Nguyên đơn là anh Võ Anh C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn là chị Trịnh Thị H vắng mặt, không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về hôn nhân: Anh Võ Anh C và chị Trịnh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống của hai bên không phù hợp. Anh C nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, hai bên không còn tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C và chị H cùng xác nhận không còn tình cảm vợ chồng. Anh C giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị H. Chị H cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh C, cho ly hôn giữa anh C và chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con: Xét sự thống nhất nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh C và chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con Võ Trịnh Khánh V, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 58, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Anh C và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Võ Anh C và chị Trịnh Thị H.

2. Về nuôi con: Giao con chung là Võ Trịnh Khánh V, sinh ngày 04/02/2011 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Võ Anh C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H số tiền 3.000.000đ/tháng (*ba triệu đồng một tháng*) tính từ tháng 5/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Trịnh Thị H có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, anh Võ Anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Võ Anh C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh C đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005520 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh C còn phải nộp số tiền án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy